TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2022
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Võ Văn Chinh.

+ Bà hoàng Nữ Hảo Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Tôn Nữ Thu T1 ; sinh năm 1992; Trú tại: 42/7 đường P1, phường K1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ liên lạc: 56A Đường B1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- **Bị đơn:** Anh Phan Ngọc D1; sinh năm 1969; trú tại: Ella-Kay-Str.26, 10405 Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác thì chị Tôn Nữ Thu T1 trình bày như sau:

Chị Tôn Nữ Thu T1 và anh Phan Ngọc D1 đăng ký kết hôn và được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại Đức và có 01 con chung là cháu Phan S1 sinh ngày 09/10/2020. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm do chênh lệch về tuổi tác và do trong việc chăm sóc con cái nên hiện tại mỗi người đều sống riêng, vợ chồng không thể đoàn tụ để sống cùng nhau. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo

dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T1 có nguyện vọng xin được ly hôn với anh D1.

Về con chung: Chị T1 và anh D1 có 01 con chung là cháu Phan S1 sinh ngày 09/10/2020. Hiện cháu đang ở với chị T1 . Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, chị T1 xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Phan Ngọc D1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu anh trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị T1 xin ly hôn với anh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được Bản tự khai, Đơn đề nghị không hòa giải và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức chứng thực với nội dung: Hiện tại vợ chồng mỗi người sống một cuộc sống riêng, hai bên đều không có phương án đoàn tụ do đó việc hòa giải không có ý nghĩa nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử. Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T1. Anh và chị T1 có 01 con chung là cháu Phan S1 sinh ngày 09/10/2020. Anh đồng ý để chị T1 nuôi con và anh không cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện anh D1 đang ở Đức không thể về nước để tham gia giải quyết vụ án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị Tôn Nữ Thu T1 được ly hôn anh Phan Ngọc D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Tôn Nữ Thu T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan Ngọc D1 định cư tại Cộng hòa Liên bang Đức, có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của anh D1 về việc giải quyết vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận để xét xử vắng mặt Nguyên đơn chị T1, Bị đơn anh D1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Nữ Thu T1 và anh Phan Ngọc D1 kết hôn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm do chênh lệch về tuổi tác và bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài. Xét hiện nay anh D1 và chị T1 mỗi người sống một nơi, tình cảm không còn, khả năng vợ chồng trở lại đoàn tụ là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D1 đã có văn bản gửi cho Tòa án về việc đồng ý ly hôn với chị T1. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho chị Tôn Nữ Thu T1 được ly hôn với anh Phan Ngọc D1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Tôn Nữ Thu T1 và anh Phan Ngọc D1 có 01 con chung là cháu Phan S1, sinh ngày 09/10/2020. Chị T1 và D1 thỏa thuận giao cháu Phan S1 cho chị chăm sóc nuôi dưỡng, anh D1 không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào sự thỏa thuận giữa chị T1 với anh D1 để giao cháu Phan S1 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D1 không cấp dưỡng nuôi con. Anh D1 được quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Ngọc D1 và chị Tôn Nữ Thu T1 đều khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127, Điều 129 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tôn Nữ thuy T1 được ly hôn với anh Phan Ngọc D1.

2. Về con chung: Giao cháu Phan S1, sinh ngày 09/10/2020 cho chị Tôn Nữ thuy T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phan S1 đủ 18 tuổi. Anh Phan Ngọc D1 không cấp dưỡng nuôi con. Anh D1 được quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Ngọc D1 và chị Tôn Nữ Thu T1 đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tôn Nữ Thu T1 phải chịu 300.000 đồng (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0000096 ngày 25/5/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

Chị Tôn Nữ Thu T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Phan Ngọc D1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu:HSVA, Tòa DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân